

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2023/HNGĐ - ST.

Ngày: 11 - 8 - 2023.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Trường.

Bà Lê Thị Ánh Sáng.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm - Thư ký tòa án nhân dân huyện Long Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 464/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 61/3, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ D, Ấp H, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các biên bản làm việc và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, giấy chứng nhận kết hôn số 150/2017 ngày 15/11/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2022 thì vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi, anh C thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm bố mẹ chị, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau và sống ly thân từ tháng 02/2023 đến nay không bàn bạc đoàn tụ. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Chị và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2023 bị đơn anh Nguyễn Thành C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T chung sống tự nguyện và đăng ký kết hôn năm 2017 tại UBND xã B, huyện L. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, nhưng đến đầu năm 2022 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi và sống ly thân từ tháng 2/2023 đến nay. Nay chị T đề nghị giải quyết ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ được thực hiện đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được bảo đảm, các quyết định được tổng đạt hợp lệ.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị T. Xử cho chị Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với anh Nguyễn Thành C.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp phát sinh giữa chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Thành C là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn Nguyễn Thành C cư trú tại xã B, huyện L nên tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị T và bị đơn anh C có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh C chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 150/2017 ngày 15/11/2017 nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị T và anh C đều thừa nhận từ đầu năm 2022 vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, tranh cãi, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đã sống ly thân từ tháng 2/2023 đến nay, không bàn bạc đoàn tụ. Từ đó nhận thấy, hôn nhân giữa chị T và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu giải quyết ly hôn, anh C đồng ý. Tuy nhiên, anh C và chị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên không thể ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị T và anh C. Do đó, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T. Xử cho chị T được ly hôn với anh C.

[3]. Về con chung: Không có, nên Tòa án không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[7]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ánh T. Xử cho chị Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với anh Nguyễn Thành C.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 0009615 ngày 08/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị T đã nộp xong.

Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Thành C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- UBND xã Bàu Cạn;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nhật Lệ

